

Bản án số: 47/2021/DSPT

Ngày: 25-3-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và hợp đồng bảo lãnh”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Vân

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thuý

2/ Bà Trương Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 24 và 25 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLPT-DS ngày 29/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐPT-DS ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Luật sư Lê Minh Đ – Công ty luật TNHH một thành viên G– Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (có mặt).

2.2. Ông Đào Bá K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường số 2, khu vực 3, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

Ông K ủy quyền cho bà N (theo giấy ủy quyền ngày 22/3/2021)

3/ Ông Trần Xuân M, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phạm Ngọc H trình bày như sau:*

Ngày 03/01/2018, ông Nguyễn Văn S có cho ông Trần Xuân M vay số tiền 600.000.000đồng, để bổ sung vốn xây dựng công trình, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 10 tháng từ ngày 03/01/2018 đến ngày 03/11/2018. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị N, ông Đào Bá K thế chấp phần quyền sử dụng đất diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn) tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Xuân M.

Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay ông Trần Xuân M không đóng lãi cũng như trả bất cứ khoản tiền gốc nào cho ông Nguyễn Văn S.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu buộc ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay 600.000.000đồng của ông Trần Xuân M, tiến hành chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn) tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 cho ông Nguyễn Văn S.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/02/2019, ông Nguyễn Văn S yêu cầu buộc ông Trần Xuân M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn S nợ gốc 600.000.000đồng và lãi suất từ ngày 03/01/2017 đến khi thanh toán hết nợ. Trong trường hợp, ông Trần Xuân M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tiến hành chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn) tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 cho ông Nguyễn Văn S.

- Bị đơn – Ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N và ông Trần Xuân M được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không rõ ý kiến.

Tại Bản án số 41/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân quận K, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần Xuân M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn S tổng số tiền 786.000.000đồng (*Bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng*). Trong đó nợ gốc là 600.000.000đồng, nợ lãi 186.000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 01%/tháng/nợ gốc chưa thanh toán.

- Buộc ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản tiền vay của ông Trần Xuân M.

Trong trường hợp, ông Trần Xuân M không thanh toán được nợ cho ông Nguyễn Văn S thì ông S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi phần quyền sử dụng đất diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn) tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn quyết định về tiền tạm ứng án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 18/8/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Đào Bá K có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận K, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến các đương sự như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông K chỉ kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà và ông K cụ thể là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như đã tuyên trong bản án sơ thẩm vì cho rằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của bà và ông K là vô hiệu.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phát biểu: Hợp đồng vay tiền đã ký giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, bà N cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng là của bà và ông K. Tại thời điểm giao kết hợp đồng cả nguyên đơn và bị đơn không nắm rõ pháp luật nên hợp đồng không được công chứng và cũng không đăng ký thế chấp, đây chỉ là thiếu sót về mặt hình thức. Ông K, bà N đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên nguyên đơn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Ông Trần Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, ông M không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc

thẩm xét xử vắng mặt ông M là phù hợp. Quá trình giải quyết phúc thẩm, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự còn lại đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Đào Bá K:

Hợp đồng vay tiền và ủy quyền tài sản ngày 03/01/2018 được ký kết giữa ông Trần Xuân M, ông Nguyễn Văn S và vợ chồng bà N– ông K thể hiện ông M có vay của ông S số tiền 600.000.000đồng với lãi suất 1%/tháng thời hạn vay 10 tháng. Đến hạn ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông M phải thanh toán số nợ 600.000.000đồng và tiền lãi 186.000.000đồng là có cơ sở. Các đương sự không có kháng cáo về vấn đề này.

Đối với kháng cáo của bà N: Việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà N, ông K đối với ông S để đảm bảo khoản nợ vay cho ông M không được công chứng và không được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm điểm a khoản 3 Điều 167 luật Đất đai năm 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017 ngày 01/9/2017 của chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc thế chấp tài sản giữa các đương sự như đã nêu trên chưa phát sinh hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho phát mãi tài sản của ông K, bà N để thanh toán nợ cho ông M là không có cơ sở.

Đối với phần tuyên nghĩa vụ chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng tính trên số nợ gốc là chưa đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết 01, đề nghị có điều chỉnh cho phù hợp. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của ông K , bà N, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N thực hiện hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay tiền của ông Trần Xuân M. Đồng thời, khởi kiện bổ sung buộc ông Trần Xuân M thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay tài sản. Tài liệu nguyên đơn cung cấp theo đơn khởi kiện là Hợp đồng vay tiền và ủy quyền tài sản lập ngày 03/01/2018 có các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn S, Trần Xuân M, Đào Bá K và Nguyễn Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung khởi kiện để xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh*” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Trần Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến

hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu ông Trần Xuân M thanh toán số nợ 600.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/01/2018 (theo đơn khởi kiện là từ ngày 03/01/2017). Trong trường hợp ông Trần Xuân M không thanh toán được nợ cho ông Nguyễn Văn S thì yêu cầu ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản tiền vay của ông M. Ông Nguyễn Văn S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi phần quyền sử dụng đất diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn), tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 để thu hồi nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với phần tuyên của Tòa án cấp sơ thẩm về các vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình, ông S, bà N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 292, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 62392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 để thanh toán cho khoản nợ vay của ông Trần Xuân M đối với nguyên đơn. Xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận bà và ông K có ký hợp đồng vay tiền và ủy quyền tài sản ngày 03/01/2018 mà nguyên đơn đã cung cấp khi khởi kiện. Nội dung hợp đồng thể hiện: ...Bên C (Bên ông K - bà N) bảo đảm số nợ của bên A (ông M) bằng việc thế chấp cho bên B (bên ông S) 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau. Nếu hết hạn thanh toán nợ ngày 03/11/2018 bên A chưa thanh toán tiền cho bên B (bao gồm vốn – lãi) thì bên B có quyền khởi kiện bên A tại Tòa án có thẩm quyền kể cả việc bên C có trách nhiệm chuyển nhượng tài sản cho bên B.

[2.2] Phía nguyên đơn cho rằng hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực do bên ông K, bà N đã giao cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 thì: Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng, chứng thực hợp đồng đã ký giữa các bên có thoả thuận thế chấp là quyền sử dụng đất nhưng không công chứng, chứng thực và chưa đảm bảo về mặt hình thức. Và tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102.2017 ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm có quy định về việc thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký. Đồng thời, khoản 2 Điều 319 Bộ luật dân sự

năm 2015 cũng quy định: Thế chấp tài sản phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký. Đối chiếu với các quy định nêu trên cho thấy hợp đồng vay tiền và uỷ quyền tài sản ngày 03/01/2018 có nội dung thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký giữa các bên đã vi phạm về hình thức do không được công chứng, chứng thực, chưa được đăng ký bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba là bà N và ông K. Toà cấp sơ thẩm căn cứ vào việc ông K, bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để cho rằng các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nên mặc dù vi phạm về mặt hình thức nhưng không thuộc trường hợp vô hiệu để chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cấp cho ông K trong trường hợp ông M không trả nợ cho ông S là chưa phù hợp.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông K, bà N và buộc ông S có trách nhiệm giao lại cho ông K bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y462392 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông K ngày 27/01/2003 là phù hợp với đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Đối với số nợ vay, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Xuân M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000đồng và tiền lãi 186.000.000đồng. Ông M được tổng đạt hợp lệ Bản án nhưng không có kháng cáo. Nguyên đơn cũng không kháng cáo vấn đề này nên không xem xét lại.

[5] Đối với nghĩa vụ chậm Thi hành án: Do các bên có thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm trả với mức lãi suất 1% tháng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn ông Trần Xuân M phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán là chưa đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm về phần này là có căn cứ.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N , ông Trần Bá K được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; đồng thời nguyên đơn còn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện mà không được chấp nhận. Ông K , bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 319 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ – CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký, giao dịch bảo đảm; nghị

quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Đào Bá K. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Xuân M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn S tổng số tiền 786.000.000đồng (Bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó nợ gốc là 600.000.000đồng, nợ lãi 186.000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận là 01%/tháng.

2/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc buộc ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thửa 292 (Loại đất: Lập vườn) tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003 trong trường hợp ông Trần Xuân M không thanh toán nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm giao lại cho ông Đào Bá K, bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận số Y 462392 (Số vào sổ: 00893) do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đào Bá K ngày 27/10/2003.

3/ Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.888.000đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng), do ông Nguyễn Văn S đã nộp tạm ứng và chi xong.

4/ Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Xuân M phải nộp 35.440.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 3.800.000đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo các biên lai tạm ứng án phí số: 002301 ngày 12/02/2020 và số 000867 ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Cần Thơ, nguyên đơn ông Trần Văn Sơn còn được nhận lại 3.200.000đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Đào Bá K được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 002980 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**THẨM**

**TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Bích Vân**



